

**SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THCS & THPT BÀU HÀM**

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾT ÔN TẬP
ĐẠT HIỆU QUẢ TRONG MÔN ĐỊA LÝ THCS**

Người thực hiện: Phạm Thị Ngoạt

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Quản lí giáo dục
- Phương pháp dạy học bộ môn: Địa lý
- Lĩnh vực khác

Có đính kèm:

Mô hình Phần mềm Phim ảnh Hiện vật khác

Năm học: 2011 – 2012

SƠ LƯỢC LÝ LỊCH KHOA HỌC

I/ Thông tin chung về cá nhân :

1. Họ và tên : PHẠM THỊ NGOẠT
2. Ngày tháng năm sinh : 05/03/1969
3. Nam, nữ : Nữ
4. Địa chỉ : Ấp Thuận An, Xã Sông Thao, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai
5. Điện thoại : 0612246169
6. Fax : E- mail :.....
7. Chức vụ : giáo viên
8. Đơn vị công tác : Trường THCS & THPT Bàu Hàm

II/ Trình độ đào tạo :

- Học vị (hoặc trình độ chuyên môn, nghiệp vụ) cao nhất: Đại học sư phạm
- Năm nhận bằng : 1990
- Chuyên ngành đào tạo : Địa lý

III/ Kinh nghiệm khoa học :

- Lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm: giảng dạy môn Địa Lý
- Số năm có kinh nghiệm: 21 năm
- Các sáng kiến kinh nghiệm đã có trong 5 năm gần đây:

- 1/ Một số giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả một tiết thực hành địa lý lớp 6
- 2/ Tầm quan trọng trong giảng dạy và học tập địa lý địa phương tỉnh Đồng Nai
- 3/ Rèn luyện kỹ năng vẽ và phân tích biểu đồ địa lý lớp 9
- 4/ Phát triển tư duy, sáng tạo cho học sinh trong việc hướng dẫn sử dụng đồ dùng trực quan trong giảng dạy Địa lý tự nhiên Việt Nam lớp 8
- 5/ Rèn luyện kỹ năng đọc và phân tích bản đồ địa lý tự nhiên lớp 8

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM
**CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾT ÔN TẬP ĐẠT
HIỆU QUẢ TRONG MÔN ĐỊA LÝ THCS**

I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI:

Trong xu hướng đổi mới phương pháp giáo dục nói chung, môn Địa lí nói riêng, việc áp dụng các phương pháp dạy và học sao cho hiệu quả, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh, đây là một vấn đề hết sức bức thiết. Những năm gần đây định hướng đổi mới phương pháp dạy học đã được thống nhất theo tư tưởng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên thì học sinh đã chủ động, ý thức, vận dụng linh hoạt sáng tạo kiến thức, kĩ năng đã thu nhận được. Đặc biệt đối với tầm nhận thức của học sinh THCS thì những hệ thống kiến thức từ địa lí đại cương đến địa lí các châu lục, địa lí kinh tế - xã hội rất đa dạng, đôi khi quá trừu tượng.

Kiến thức ở mỗi bài dạy đã khó, tiết ôn tập lại càng khó hơn, do số lượng bài nhiều. Giáo viên thường không đủ thời gian khi ôn tập. Vì vậy thường có sự áp đặt kiến thức cho học sinh trên cơ sở sách giáo khoa đã đưa ra.

Giáo viên áp dụng chủ yếu phương pháp giảng thuật tràn lan mà không chốt được những điều cơ bản nên học sinh không nắm được bài, trở nên lúng túng hơn trong khâu chuẩn bị bài ôn tập ở nhà. Mặt khác các em còn phải lo chuẩn bị bài cho nhiều môn học nữa. Do đó việc tham gia xây dựng bài ôn tập còn mang tính thụ động.

Các bậc phụ huynh và học sinh chưa có sự nhìn nhận và đánh giá đúng về môn học nên các em ít đầu tư, học để đối phó.

Từ những khó khăn vướng mắc trên tôi nhận thấy cần phải có sự định hướng đúng đắn hơn cho tiết ôn tập địa lí. Do đó tôi chọn đề tài này mong quý đồng nghiệp tận tình góp ý, xây dựng cho hoàn hảo hơn để góp phần vào những tiết ôn tập mà trong chương trình chưa có hướng dẫn cụ thể.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI:

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN:

- Theo định hướng chung, việc đổi mới phương pháp dạy học mà Nghị Quyết Trung Ương 2 (khóa VIII) nêu rõ: “ Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục và đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện nếp tư duy sáng tạo của người học, từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào trong quá trình dạy học, đảm bảo điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh”. Tiết ôn tập là người dạy và người học sẽ hệ thống hóa kiến thức trọng tâm trong mỗi chủ đề, chương, phần học ở từng giữa kì, cuối kì trong một năm. Vì vậy giữa giáo viên và học sinh cần có sự phối kết hợp một cách nhịp nhàng thì giờ ôn tập sẽ có hiệu quả cao.

- Qua thực tế giảng dạy, dự giờ đồng nghiệp một số tiết ôn tập, tôi thấy còn có sự lúng túng, học sinh phần lớn bị thụ động trong khâu chuẩn bị bài, tiết học rất sơ sài nên không phát huy được yêu cầu và hiệu quả của tiết học này.

- Trong chương trình địa lí THCS được bao quát từ kiến thức đại cương đến địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế, xã hội. Tôi rút kết được trong tiết ôn tập phải làm rõ hai vấn đề cơ bản là: kiến thức và kĩ năng.

* Đối với kiến thức: thể hiện ở ba mức độ (Nhận biết, thông hiểu và vận dụng)

* Đối với kỹ năng: thể hiện vận dụng ở mức thấp và mức cao tùy thuộc vào từng khối lớp cho phù hợp, vận dụng mức cao chủ yếu áp dụng cho khối lớp 9 phân vẽ và phân tích biểu đồ đòi hỏi học sinh xử lý số liệu hay phán đoán biểu đồ trước khi vẽ cho chính xác.

- Nếu trong mỗi đơn vị bài học thì phần mục tiêu bài dạy cũng đã có, vậy khi tổng hợp kiến thức giáo viên cũng áp dụng vào mục tiêu này để tiến hành củng cố lại kiến thức cho học sinh ở toàn phần, chương, chủ đề...

2. NỘI DUNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP CỦA ĐỀ TÀI:

A. NỘI DUNG:

a. Xác định yêu cầu của tiết ôn tập:

- Tiết ôn tập phải là phương tiện để khắc sâu hơn nữa, kiểm tra một lần nữa về kết quả giảng dạy của bản thân giáo viên trong những bài học vừa qua. Từ đó giúp chúng ta có sự điều chỉnh về phương pháp giảng dạy, nội dung ghi chép của học sinh để kịp thời uốn nắn về cách học và đánh giá kiến thức cho học sinh một cách khoa học hơn.

- Một yêu cầu mang tính khoa học và nguyên tắc là một tiết ôn tập không được đề sót những kiến thức trọng tâm và không được sai về mặt khoa học. Vì vậy giáo viên cần phải bám sát theo chuẩn kiến thức, có phân tích, giải thích, so sánh những vấn đề mang tính sáng tạo theo đặc thù của bộ môn địa lí ở từng khối - lớp.

b. Chuẩn bị tiết ôn tập:

Dạy một tiết học địa lí bình thường, muốn đạt hiệu quả cao, giáo viên phải có sự chuẩn bị chu đáo và mất không ít thời gian cho nhiều công việc như: nghiên cứu bài giảng, soạn giảng, đồ dùng dạy học... Nhưng dạy một tiết ôn tập với nội dung gấp nhiều lần thì việc chuẩn bị càng chu đáo hơn, thậm chí phải định kế hoạch ôn tập từ những tiết đầu tiên như: trong phần đánh giá sau tiết học, giáo viên nên chuẩn bị sẵn một vài câu hỏi trọng tâm và yêu cầu các em ghi vào cuối bài học. Nhờ đó, học sinh biết cách chuẩn bị tiết ôn tập (bởi vì nhận thức của học sinh lớp 6,7 khó có thể tự xác định đâu là kiến thức trọng tâm)

- Đối với tiết dạy:

+ Giáo viên phải nắm được toàn bộ chương trình thì mới có thể đưa ra những câu hỏi hợp lí.

+ Sử dụng các phương pháp thích hợp nhất đối với từng loại kiến thức

+ Do trình độ học sinh có những mức chênh lệch nhất định nên giáo viên phải hiểu rõ đối tượng của mình về khả năng như: tư duy, phân tích, tiếp thu... Từ đó tìm ra phương pháp và mức độ truyền thụ kiến thức phù hợp đồng thời phát huy mọi đối tượng học sinh tham gia xây dựng bài.

- Đối với công tác soạn giảng:

+ Nội dung ghi chép: chọn lọc ý chính nhằm hạn chế mất thời gian

+ Định lượng kiến thức và nội dung sao cho phù hợp với thời lượng một tiết (giáo viên thường có thói quen chủ quan cứ cho các kiến thức là dễ, dẫn đến đòi hỏi học sinh một cách không thực tế. Vì vậy tiết ôn tập thường bị động và giáo viên phải làm việc nhiều mà không thực hiện được ý đồ của tiết dạy.

+ Theo tôi, phải lập bảng tóm lược nội dung các bài, các phần kiến thức trọng tâm và kỹ năng vẽ, phân tích biểu đồ, sơ đồ, phân tích bảng số liệu thống kê. Cũng từ bảng tóm tắt trên, giáo viên đã định hướng ma trận đề, đề, đáp án để chuẩn bị tiết kiểm tra cho từng khối lớp của mình.

Ví dụ:

Ôn tập giữa kì I địa lí lớp 9 gồm các nội dung sau:

Tên bài	Kiến thức trọng tâm
Số dân, tình hình gia tăng dân số	- Dân số, tình hình gia tăng dân số của Việt Nam - Nguyên nhân, hậu quả, giải pháp của dân số đông và tăng nhanh.
Sự phân bố dân cư, các loại hình quần cư	- Đặc điểm phân bố dân cư Việt Nam - Ảnh hưởng của sự phân bố dân cư đối với phát triển kinh tế, xã hội
Lao động và việc làm, chất lượng cuộc sống	- Vấn đề việc làm ở nước ta - Giải pháp khắc phục.
Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam	- Kinh tế Việt Nam trong công cuộc đổi mới. - Thành tựu và thách thức, liên hệ thực tế.
Sự phát triển và phân bố công nghiệp	- Các ngành công nghiệp trọng điểm - Giải thích 2 trung tâm công nghiệp lớn ở nước ta
Vai trò, đặc điểm của ngành dịch vụ	- Cơ cấu, vai trò của dịch vụ - Giải thích 2 trung tâm dịch vụ lớn và đa dạng nhất nước ta
Thương mại	- Khái niệm nội thương - Khái niệm, vai trò, đặc điểm của ngoại thương

Trong mỗi bài, giáo viên đã xác định lồng ghép các kỹ năng: vẽ và phân tích biểu đồ, vẽ sơ đồ, phân tích bảng số liệu thống kê... Như vậy, tùy vào từng khối lớp của môn địa lí mà có các kỹ năng tương ứng.

Ví dụ:

Ở lớp 6 có các kỹ năng xác định tọa độ địa lí, phương hướng, tính tỉ lệ bản đồ, tính nhiệt độ trung bình, lượng mưa trung bình...

Ở lớp 7 có các kỹ năng vẽ sơ đồ, phân tích và nhận biết các môi trường địa lí thông qua các biểu đồ, tính mật độ dân số trung bình...

Ở lớp 8 có các kỹ năng tính toán, phân tích bảng số liệu thống kê, vẽ và nhận xét biểu đồ...

Ở lớp 9 có các kỹ năng tính toán, phân tích bảng số liệu thống kê, vẽ và nhận xét biểu đồ, vẽ sơ đồ...

B. CÁC BIỆN PHÁP CỦA ĐỀ TÀI

***. KIẾN THỨC**

Tùy vào điều kiện thực tế của từng đối tượng học sinh và từng mảng kiến thức để giáo viên đưa ra phương pháp thích hợp. Trong tiết ôn tập, nên sử dụng các

phương pháp phải thật nhịp nhàng, lôgic thì tiết học rất có hiệu quả. Sau đây là vài phương pháp có thể áp dụng vào tiết ôn tập về kiến thức.

1. Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan:

Đây là phương pháp quan trọng mang tính đặc trưng của bộ môn, đặc biệt nó phù hợp với xu hướng đổi mới phương pháp dạy học hiện nay. Muốn phát huy tốt cần chú ý các vấn đề sau:

- Sử dụng đồ dùng trực quan phải phù hợp với nội dung của bài ôn tập. Có thể là bản đồ, lược đồ SGK, biểu đồ, bảng số liệu thống kê.

- Sử dụng đúng lúc (tùy vào hệ thống câu hỏi mà sử dụng cho nhịp nhàng)

- Việc sử dụng phương tiện dạy học phải xem đó là nguồn để khai thác tri thức chứ không phải là phương tiện để minh họa.

Ví dụ: Bài 6 “ Sự phát triển nền kinh tế Việt nam” Địa lí lớp 9. Qua lược đồ học sinh nắm được nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển dịch theo cơ cấu lãnh thổ.

- + Giáo viên treo lược đồ hình 6.2 (Lược đồ các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Việt nam phóng to SGK trang 21).

- + Giáo viên yêu cầu học sinh xác định và đọc tên các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam.

- + Cũng từ lược đồ trên học sinh có thể liên hệ địa phương tỉnh Đồng Nai thuộc tỉnh, vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm nào?

Thông qua bản đồ, lược đồ học sinh tìm được kiến thức về các thành phần tự nhiên, xác định được các mối liên hệ nhân quả, ý nghĩa đối với thực tế cuộc sống.

Ví dụ: Bài 5 “ Đới nóng, môi trường xích đạo ẩm” Địa lí lớp 7

- + Em hãy quan sát vào hình 5.1 SGK hãy xác định ranh giới của môi trường đới nóng? (Nằm giữa chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam tạo thành vành đai bao quanh Trái Đất)

- + Em hãy quan sát vào hình 5.1 SGK hãy cho biết ở môi trường đới nóng có mấy kiểu môi trường? đọc tên. (Có 4 kiểu môi trường: xích đạo ẩm, nhiệt đới, nhiệt đới gió mùa và hoang mạc)

- + Xác định giới hạn, vị trí của môi trường xích đạo ẩm trên hình 5.1SGK? Quốc gia nào nằm trọn vẹn trong môi trường này? (Nằm giữa khoảng 5^0B đến 5^0N , quốc gia nằm hoàn toàn trong môi trường này là Xingapo)

2. Phương pháp hợp tác nhóm:

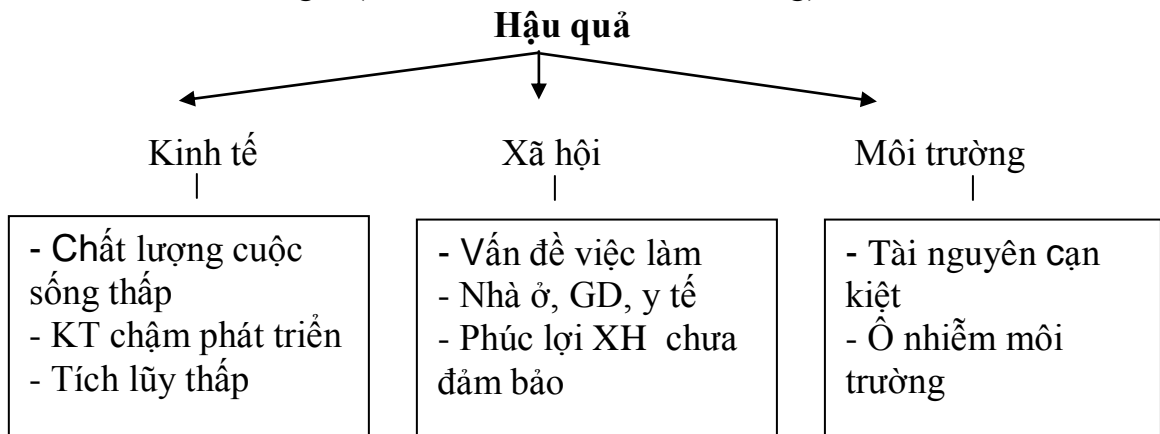
Trong tiết ôn tập, phương pháp này được thực hiện đối với nội dung tương đối khó, có nhiều ý kiến đóng góp để rút ra nội dung cơ bản cần tìm. Có thể trong một thời gian nhất định, giáo viên và học sinh không thể giải quyết lần lượt tất cả các kiến thức cho cả lớp. Vì vậy việc tổ chức hợp tác nhóm sẽ mang lại hiệu quả cao hơn.

Ví dụ: Bài 2 “ Dân số và gia tăng dân số Việt nam” Địa lí lớp 9

Sau khi học sinh hiểu được dân số nước ta đông và tăng nhanh từ những năm 50 của thế kỉ XX. Học sinh có thể trình bày được nguyên nhân, hậu quả và biện pháp giải quyết của nước ta. Đối với nội dung trên giáo viên chia lớp làm 3 cặp nhóm, mỗi cặp nhóm trả lời một vấn đề trong thời gian là 3 phút.

- + Cặp nhóm 1: Hãy cho biết nguyên nhân nào dẫn đến nước ta có dân số đông và tăng nhanh? (Do quan niệm còn lạc hậu, nước ta là một nước nông nghiệp từ lâu đời, số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ nhiều...)

+ Cặp nhóm 2: Hậu quả của dân số đông và tăng quá nhanh đối với sự phát triển kinh tế, xã hội là gì? (Kinh tế, xã hội và môi trường)



+ Cặp nhóm 3: Học sinh liên hệ thực tế ở nước ta, địa phương nơi các em đang sống về vấn đề dân số.

Đại diện nhóm trả lời câu hỏi (có thể học sinh trình bày bằng lời hoặc bằng sơ đồ ở vấn đề 1 và 2). . Nhóm khác bổ sung, cuối cùng giáo viên chuẩn kiến thức.

Ví dụ: Bài 5 và 6 - Môi trường xích đạo ẩm và Môi trường nhiệt đới. Địa lí 7.

Giáo viên chuẩn bị 2 hình phóng to ở SGK về biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Xingapo 1⁰B (Châu Á) và Gia-mê-na 12⁰B (CH Sắt – Châu Phi). Thông qua phân tích biểu đồ học sinh nhớ kĩ đặc điểm khí hậu của 2 môi trường và chắc chắn không có sự nhầm lẫn khi giáo viên kết hợp với lược đồ hình 5.1 SGK trang 16.

Giáo viên chia lớp làm 3 cặp nhóm thực hiện trong thời gian 3 phút

+ Cặp nhóm 1: Nhận xét diễn biến nhiệt độ và lượng mưa trong năm của trạm Xingapo 1⁰B (Sự chênh lệch nhiệt độ giữa tháng mùa hè và mùa đông như thế nào? Đường biểu diễn nhiệt độ trung bình tháng có đặc điểm gì? Mưa nhiều từ tháng nào đến tháng nào? Tổng lượng mưa trong năm ra sao?)

+ Tương tự cặp nhóm 2 sẽ nhận xét trạm Gia-mê-na theo hướng dẫn trên.

+ Cặp nhóm 3: Kết luận chung về nhiệt độ và lượng mưa của 2 trạm.

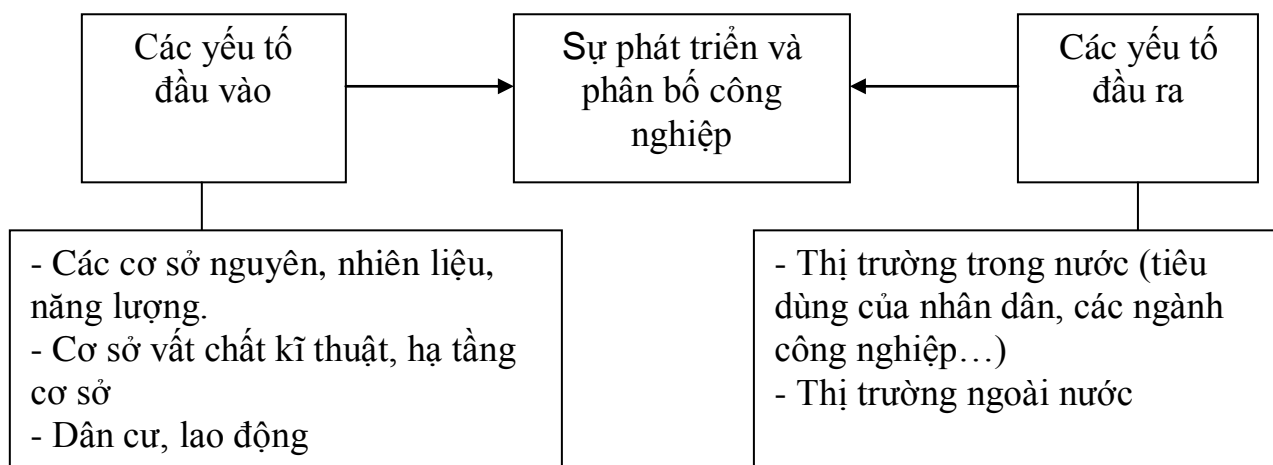
Đại diện nhóm trình bày câu hỏi, các nhóm còn lại bổ sung, giáo viên chuẩn lại kiến thức để khắc sâu cho các em về 2 môi trường chỉ cần phân tích biểu đồ.

2. Phương pháp lập sơ đồ hóa:

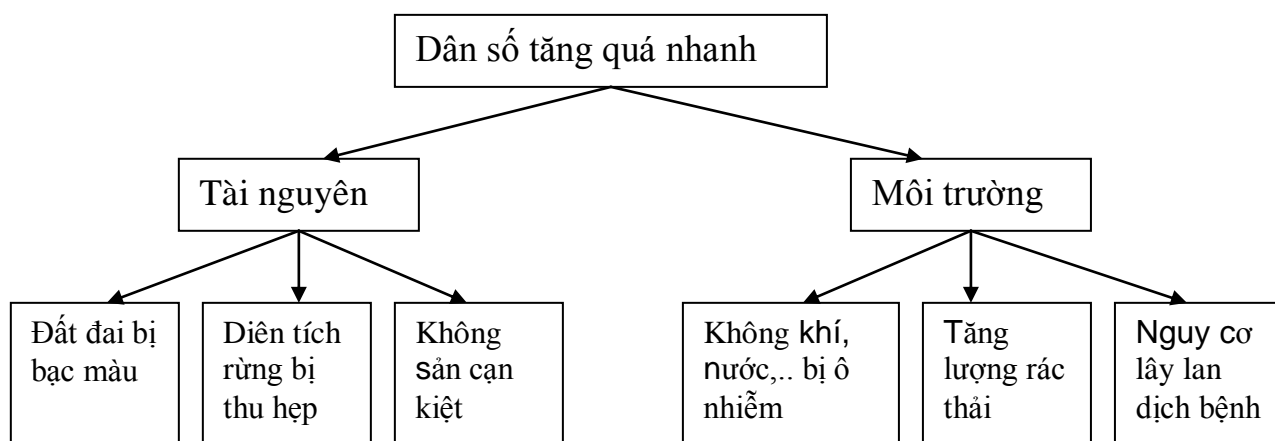
Nhằm giúp học sinh cô đọng kiến thức lại thành sơ đồ đơn giản. Đây là cách ghi nhớ kiến thức bằng mắt, phương pháp này đòi hỏi người học phải chịu khó vẽ trên giấy theo trình tự kiến thức trong bài học của mình. Có như vậy khi làm bài kiểm tra, các em sẽ tưởng tượng lại và làm bài rất tốt, không sót một chi tiết nào cả.

Ví dụ: Bài 11- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

Em hãy vẽ sơ đồ tương ứng các yếu tố đầu vào và đầu ra ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. Đây là dạng bài tập khó ở SGK trang 41, giáo viên hướng dẫn học sinh chọn lọc kiến thức thành lập sơ đồ cho chính xác.



Ví dụ: Bài 10 - Dân số và sức ép dân số tới tài nguyên, môi trường ở đới nóng Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện tác động tiêu cực của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng đối với tài nguyên và môi trường.



2. Phương pháp so sánh:

Trong tiết ôn tập, phương pháp này được ứng dụng thường xuyên và lồng ghép với nhiều phương pháp khác như: trực quan, trắc nghiệm, phát vấn để làm nổi bật và khắc sâu những nội dung chính cần truyền đạt.

Có 2 hình thức khi sử dụng phương pháp này là:

+ Đối với lượng kiến thức đơn giản và nội dung trả lời ngắn chỉ trong 1 bài giáo viên có thể đưa ra câu hỏi trực tiếp

Ví dụ: Bài 3 – “Sự phân bố dân cư và các loại hình quần cư“ Địa lí lớp 9.

Em hãy phân tích quần cư nông thôn và quần cư thành thị khác nhau như thế nào? Liên hệ thực tế địa phương em đang sống. (Học sinh trả lời lần lượt từng loại hình hoặc trả lời song song từng đặc điểm về: Mật độ dân cư, nhà ở, hoạt động sản xuất chủ yếu, lối sống...)

+ Đối với lượng kiến thức phức tạp và nhiều chi tiết thì giáo viên yêu cầu học sinh lập bảng so sánh, riêng ở trường hợp này phải linh động kết hợp các phương pháp cùng một lúc đó là: Đặt vấn đề, so sánh, hợp tác nhóm...

Ví dụ: Bài 13 - “Môi trường đới ôn hòa”. Địa lí lớp 7.

Em hãy so sánh và rút ra kết luận về đặc điểm khí hậu của 3 kiểu môi trường: Ôn đới hải dương, ôn đới lục địa và môi trường địa trung hải (thông qua 3 biểu đồ trang 44 SGK Địa lí lớp 7)

Biểu đồ khí hậu	Nhiệt độ (°C)			Lượng mưa (mm)		Kết luận về đặc điểm khí hậu
	Tháng 1	Tháng 7	TB năm	Tháng 1	Tháng 7	
Ôn đới hải dương (Bret)	6	16	10,8	133	62	+ Mùa hè mát, mùa đông ấm. +Mưa nhiều và mưa quanh năm, nhất là mùa thu đông.
Ôn đới lục địa (Matxcova)	-10	19	4	31	74	+ Mùa đông rét +Mùa hè mát, mưa nhiều
Địa trung hải (Aten)	10	28	17,3	69	9	+ Mùa đông mát, mưa nhiều + Mùa hè nóng, ít mưa

Sau khi học sinh tham gia hoạt động nhóm để tìm được nhận xét về đặc điểm khí hậu các môi trường có sự khác nhau, các em giải thích được vì sao trong cùng 1 môi trường ôn đới nhưng khí hậu ở từng địa điểm lại hoàn toàn không giống nhau.

*. KĨ NĂNG

Trên đây, tôi đã sử dụng các phương pháp nhằm khai thác kiến thức cho học sinh. Đối với môn địa lí thì giữa lí thuyết và thực hành phải thực hiện song song với nhau mà ở chương trình địa lí THCS nói chung, riêng phần ôn tập giữa kì I của địa lí lớp 9 có liên quan nhiều đến vẽ và phân tích các dạng biểu đồ: hình cột, đồ thị (biểu đồ đường), hình tròn, miền. Phần thực hành này chỉ chiếm tỉ lệ 2/10 của số điểm toàn bài kiểm tra, tuy nhiên thông qua kĩ năng này học sinh được hình thành một đức tính tỉ mỉ, nhạy bén tính toán, nhận biết, chọn biểu đồ tối ưu và rút ra nhận xét chính xác.

Cho dù loại biểu đồ nào, để hoàn thành đều có các bước cơ bản như sau:

+ Bước 1: Đọc kĩ yêu cầu đề bài và xử lí số liệu nếu có.

Ví dụ: Dựa vào số liệu ở bảng 10.1 SGK trang 38 – Địa lí lớp 9 về diện tích gieo trồng, phân theo nhóm cây (đơn vị nghìn ha). Em hãy vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng các nhóm cây. Biểu đồ năm 1990 có bán kính là 20 cm, năm 2002 bán kính là 24 cm. Đây là bảng số liệu cần được xử lí.

+ Bước 2: Xác định và trình tự vẽ biểu đồ theo yêu cầu đề bài.

- Nếu yêu cầu vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng hoặc cơ cấu của một đối tượng địa lí thì chọn biểu đồ hình tròn.

- Nếu yêu cầu vẽ biểu đồ thể hiện sự biến đổi hoặc tăng trưởng của các đối tượng địa lí thì chọn biểu đồ đường hoặc hình cột. Cần lưu ý cho học sinh khi chọn một trong hai loại này có sự khác biệt là: biểu đồ hình cột không được vẽ cột đầu tiên sát vào trục tung; biểu đồ đường được vẽ có điểm xuất phát từ trục tung và trùng vào năm đầu tiên của bảng số liệu.

- Nếu yêu cầu vẽ biểu đồ cũng thể hiện cơ cấu các đối tượng địa lí nhưng có chuỗi số liệu là nhiều năm thì chọn biểu đồ miền.

+ Bước 3: Thể hiện hoàn chỉnh biểu đồ: kí hiệu, chú giải, tên biểu đồ.

+ Bước 4: Nhận xét biểu đồ kết hợp với bảng số liệu thống kê cùng với kiến thức đã học để giải thích các vấn đề có liên quan với lời nhận xét.

*** Lưu ý:**

Nội dung tiết ôn tập là những nội dung mà các em đã được học và ghi chép một cách khá chi tiết. Vì vậy nội dung trong tiết ôn tập các em sẽ ghi tinh giản lại, có thể chỉ là một cái sườn của các bài học được giáo viên đưa lên và khởi đầu vào tiết ôn tập. Nếu quá chú ý về nội dung ghi thì tiết dạy sẽ gặp những tình huống bất lợi.

+ Thời gian sẽ không đủ cho tiết ôn tập.

+ Học sinh tập trung vào ghi chép nên không thể chú ý và suy nghĩ để trả lời các câu hỏi trọng tâm của giáo viên đưa ra.

+ Giáo viên làm việc nhiều nhưng không nắm được mức độ tiếp thu của học sinh, không thể áp dụng nhiều phương pháp để làm cho giờ dạy sinh động hơn.

III. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ TÀI:

Qua quá trình thực dạy, khi vận dụng các phương pháp trên đã thấy được kết quả khả quan so với trước đây rất nhiều, đó là học sinh hoạt động trong giờ ôn tập tích cực hơn, lớp học trở nên sinh động và các em có điều kiện để trình bày kiến thức tiếp thu được trong quá trình học tập, các em sẽ tự tin hơn khi đưa ra các vấn đề còn vướng mắc mà chưa được giải quyết trong các tiết học trước.

Cụ thể qua chương trình địa lí lớp 9 đã thu kết quả trước và sau khi áp dụng phương pháp trên vào tiết ôn tập như sau:

Trước khi áp dụng

Lớp	Số	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
9A1	39	8	20.5	17	43.6	14	35.9	/	/
9A2	41	3	7.3	7	17.1	25	61.0	6	14.6
9A3	43	3	7.0	6	14.0	26	60.4	8	18.6

Sau khi áp dụng

Lớp	Số	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
9A1	39	12	30.8	19	48.7	8	20.5	/	/
9A2	41	7	17.1	9	22.0	21	51.2	4	9.8
9A3	43	6	14.0	8	18.6	24	55.8	5	11.6

IV. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG

Căn cứ vào sự đổi mới phương pháp dạy học ở môn Địa lí có tầm quan trọng đối với mỗi giáo viên và học sinh, mỗi giáo viên cần phải giảm thiểu tối đa lời giảng dạy thuyết giảng một chiều. Cần phải chuyển quá trình thuyết giảng của giáo viên thành cuộc trao đổi, đàm thoại giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với học sinh một cách thận trọng, nhẹ nhàng hơn. Thông qua đó, giáo viên sẽ đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh.

Để có kết quả giảng dạy tốt, giáo viên phải có sự lựa chọn những phương pháp dạy học thích hợp, có thể vận dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, không nên gò bó hoặc theo một phương pháp nào.

- Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích biểu đồ, lược đồ, bảng số liệu, rèn kỹ năng vẽ và phân tích các dạng biểu đồ
- Giáo dục tình cảm yêu quê hương đất nước, nhận thức được những thuận lợi và khó khăn về KT-XH mà các em có sức phấn đấu trong học tập
- Rèn kỹ năng sống: tư duy sáng tạo, thảo luận nhóm, trình bày suy nghĩ, liên hệ thực tế địa phương.

II/ CHUẨN BỊ:

GV: Hệ thống các câu hỏi tự luận

HS: chuẩn bị bài ở nhà

III/ TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1/ *Ôn định:*

2/ *Kiểm tra bài cũ:* Gọi 2 HS kiểm tra việc hoàn thành bài thực hành ở nhà và nhận xét trước lớp

3/ *Bài mới:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>GV: Treo sơ đồ các bài trong tâm trong phần địa lí dân cư</p> <p>GV: Dùng biểu đồ biến đổi dân số nước ta từ năm 1954-2009 phóng to kết hợp hình 2.1 SGK trang 7 và yêu cầu HS phân tích.</p> <p>Câu hỏi: Dựa vào biểu đồ em hãy nhận xét tình hình tăng dân số của nước ta từ năm 1954-2009. Vì sao tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số nước ta tăng nhanh. - Giải thích: Vì từ sau 1976 đến nay tỉ lệ tử giảm ở mức ổn định, tỉ lệ sinh có giảm nhưng còn chậm nên dân số vẫn còn tăng nhanh (mỗi năm số dân tăng thêm 1 triệu người) <p>Câu hỏi: Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra những hậu quả gì? Hướng giải quyết ra sao? Liên hệ đến bản thân em.</p> <p>GV: Yêu cầu HS thảo luận 3 vấn đề lớn.</p> <p>HS: Trình bày hậu quả bằng sơ đồ.</p> <div style="text-align: center;"> <p>Hậu quả</p> <pre> graph TD A[Hậu quả] --> B[Kinh tế] A --> C[Xã hội] A --> D[Môi trường] B --- B_box[] C --- C_box[] D --- D_box[] </pre> </div> <p>(Hướng giải quyết: Thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, phân bố lại dân cư</p>	<p style="text-align: center;">A- KIẾN THỨC</p> <p style="text-align: center;">* <u>PHẦN ĐỊA LÍ DÂN CƯ</u></p> <p>1. Dân số và tình hình tăng dân số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số nước ta tăng nhanh. - Giải thích: Vì từ sau 1976 đến nay tỉ lệ tử giảm ở mức ổn định, tỉ lệ sinh có giảm nhưng còn chậm nên dân số vẫn còn tăng nhanh (mỗi năm số dân tăng thêm 1 triệu người) - Hậu quả: về kinh tế, xã hội và môi trường. - Hướng giải quyết. - Liên hệ bản thân.

hợp lí, phát triển giáo dục ngày càng hoàn thiện)

GV: Treo bản đồ phân bố dân cư Việt Nam + Lược đồ SGK hình 3.1 trang 11.

Câu hỏi: Em hãy trình bày sự phân bố dân cư nước ta. Sự phân bố đó có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế-xã hội như thế nào? Giải pháp khắc phục là gì?

HS: Trả lời lần lượt 3 vấn đề

- Sự phân bố dân cư (bằng bản đồ)
- Ảnh hưởng: Những thuận lợi và khó khăn cho phát triển KT-XH.

Giải pháp: Phân bố lại dân cư, thực hiện chính sách dân số,...

Câu hỏi: Em hãy so sánh đặc điểm của quần cư nông thôn và quần cư thành thị. Địa phương em đang sống thuộc kiểu quần cư nào? Hoạt động sản xuất nào là chủ yếu?

HS: Trả lời dưới hình thức so sánh sự khác biệt giữa 2 loại hình quần cư.

Quần cư nông thôn	Quần cư thành thị
<ul style="list-style-type: none">- Mật độ dân số thưa (thường được phân bố trải rộng theo lãnh thổ)- Kiến trúc nhà ở: nhà sàn đối với vùng cao, vùng đồng bằng là nhà trệt.- Chức năng: Hoạt động nông, lâm, thủy sản là chính	<ul style="list-style-type: none">- Mật độ dân số đô rất cao- Kiến trúc nhà ở: nhà cao tầng, san sát, các chung cư, biệt thự...- Chức năng: Hoạt động công nghiệp, dịch vụ là chính

- Liên hệ địa phương

Câu hỏi: Em biết gì về vấn đề việc làm ở nước ta? Hướng giải quyết như thế nào?

GV: Yêu cầu HS nhớ lại kiến thức và liên hệ thực tế trả lời.

- Vấn đề việc làm rất gay gắt vì:
 - + Quỹ thời gian làm việc ở nông thôn chỉ chiếm 77% (do đặc điểm mùa vụ)
 - + Tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị đến 6%
- Hướng giải quyết:
 - + Phân bố lại dân cư và lao động

2 Sự phân bố dân cư, các loại hình quần cư:

- Dân cư phân bố không đều
- Ảnh hưởng

- Giải pháp

- Quần cư nông thôn khác với quần cư thành thị.

- Liên hệ địa phương

3. Lao động và việc làm, chất lượng cuộc sống:

- + Ở NT: Đa dạng hóa và hiện đại hóa các hoạt động kinh tế
- + Ở TT: Phát triển hoạt động công nghiệp, dịch vụ

+ Mở trường, lớp đào tạo nghề, đẩy mạnh hướng nghiệp

- + Xuất khẩu lao động

GV: *Chuyển ý và treo sơ đồ các bài trong tâm trong phần địa lí kinh tế.*

Câu hỏi: Trong công cuộc đổi mới nước ta có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nào? Cho biết những thành tựu và thách thức? Sau khi Việt Nam gia nhập WTO những thách thức nào là nan giải nhất?

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Cơ cấu ngành, Cơ cấu lãnh thổ, cơ cấu theo các thành phần kinh tế

- Những thành tựu và thách thức:

- + Thành tựu
- + Thách thức

GV: *Treo lược đồ các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm phóng to + lược đồ trong SGK hình 6.2 trang 21 và yêu cầu HS lên xác định.*

Câu hỏi: Nước ta có mấy vùng kinh tế? Đọc tên? Địa phương em đang sống thuộc vùng kinh tế nào và vùng kinh tế trọng điểm nào?

GV: *yêu cầu HS dựa vào hình 8.1, lược đồ SGK hình 8.2, bảng 8.3 để trả lời câu hỏi.*

Câu hỏi: Em hãy phân tích tình hình phát triển và phân bố của ngành trồng trọt. Địa phương em trồng những loại cây xuất khẩu nào?

- Tình hình phát triển:

- + Cơ cấu đa dạng.
- + Lúa là cây trồng chính. Diện tích, năng suất, sản lượng, SLBQ không ngừng tăng.
- + Cây công nghiệp và cây ăn quả phát triển khá mạnh. Có nhiều sản phẩm xuất khẩu như gạo, cà phê, cao su, trái cây.

- Phân bố:

- + Cây lúa trồng ở khắp nơi, nhưng nhiều nhất là ở 2 vùng: ĐBSH và ĐBSCL
- + Cây công nghiệp tập trung ở các vùng: TD-

- Vấn đề việc làm ở nước ta rất gay gắt

- Hướng giải quyết.

* **PHẦN ĐỊA LÍ KINH TẾ**

4. Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Thành tựu.

- Thách thức.

- Nước ta có 7 vùng kinh tế

- Nước ta có 3 vùng kinh tế trọng điểm

- Địa phương em đang sống thuộc vùng kinh tế Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam

5. Sự phát triển và phân bố nông nghiệp:

- Tình hình phát triển

- Phân bố của ngành trồng trọt

- Liên hệ địa phương tỉnh Đồng Nai

6. Sự phát triển và phân bố

MNBB, T N và ĐNB

- Liên hệ địa phương tỉnh Đồng Nai

Câu hỏi: Thế nào là ngành công nghiệp trọng điểm. Trong các ngành CN trọng điểm thì ngành nào chiếm tỉ trọng cao nhất? Nêu đặc điểm của ngành trên. Giải thích vì sao?

Khái niệm:

Ngành CBLT-TP

Đặc điểm:

+ Hệ thống CN nước ta gồm các cơ sở: nhà nước, ngoài nhà nước và cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài

+ Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP (24,4%)

+ Phân bố ở khắp nơi

+ Đạt kim ngạch xuất khẩu cao ,chiếm 40% giá trị XK trong cả nước

vì: dựa trên nguyên liệu sẵn có từ ngành TT, CN, TS

Câu hỏi: Em hãy trình bày cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ. Tại sao Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất ở nước ta?

Cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ:

- Cơ cấu: đa dạng, gồm 3 nhóm ngành

- Vai trò: có 3 vai trò lớn

- Giải thích:

+ Đây là 2 thành phố đông dân nhất cả nước

+ Có vị trí thuận lợi, là 2 đầu mối giao thông quan trọng của nước ta

+ Là 2 trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng lớn nhất cả nước.

+ Tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu...

GV: yêu cầu HS trình bày và liên hệ thực tế để giải thích.

Câu hỏi:Hoạt động xuất nhập khẩu có ý nghĩa như thế nào đối với nền kinh tế-xã hội nước ta hiện nay? Vì sao nước ta và một số nước đang phát triển vẫn trong tình trạng nhập siêu?

+ Xuất nhập khẩu là hoạt động quan trọng nhất của ngoại thương nhằm gắn liền thị trường trong và quốc tế.

công nghiệp:

- Khái niệm:

- Ngành CBLT-TP

- Đặc điểm:

- Giải thích:

7. Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố dịch vụ:

- Cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ:

- Giải thích:

8. Thương Mại và du lịch:

- Ý nghĩa.

- Giải thích:

+ Việt Nam đang tiến hành CNH-HĐH đất nước, xuất nhập khẩu giúp ta mở rộng thị trường, giải quyết đầu ra cho sản phẩm, đổi mới công nghệ, hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, cải thiện đời sống nhân dân

* Việt Nam xuất các mặt hàng N-L-Thủy sản, Nhập các mặt hàng máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu với giá cao.

GV: Yêu cầu HS nhắc lại các loại biểu đồ đã vẽ

+ Biểu đồ đường: biểu hiện diễn biến của các đối tượng địa lí (chứng minh ở SGK)

+ Biểu đồ tròn: biểu hiện sự thay đổi, sự so sánh về cơ cấu các đối tượng địa lí theo thời gian. (chứng minh ở SGK)

+ Biểu đồ miền: biểu hiện sự thay đổi về cơ cấu các đối tượng địa lí theo thời gian. (chứng minh ở SGK)

+ Phân tích biểu đồ: HS căn cứ vào biểu đồ kết hợp kiến thức đã học để rút ra nhận xét và giải thích nguyên nhân

B- KĨ NĂNG:

- **Vẽ các loại biểu đồ:** đường, tròn, miền, cột

+ Biểu đồ đường: DS, Thủy sản, chăn nuôi

+ Biểu đồ tròn: Trồng trọt, DV, TM

+ Biểu đồ miền: Cơ cấu GDP

- Nhận xét biểu đồ:

4. *Đánh giá:* sự chuẩn bị của học sinh ở nhà và ở lớp

5. *Hoạt động nối tiếp:* học bài cẩn thận chuẩn bị kiểm tra 1 tiết vào tuần sau.

IV/ RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....

PHIẾU NHÂN XÉT , ĐÁNH GIÁ SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

Năm học: 2011 – 2012

CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾT ÔN TẬP ĐẠT HIỆU QUẢ TRONG MÔN ĐỊA LÝ THCS

Họ và tên tác giả: Phạm Thị Ngoạt Đơn vị: tổ Sử - Địa - Anh

Lĩnh vực: Địa lý

Quản lý giáo dục

Phương Pháp dạy học bộ môn: Địa lý

Phương pháp giáo dục

Lĩnh vực khác:

1. Tính mới:

- Các giải pháp hoàn toàn mới

- Các giải pháp cải tiến, đổi mới từ giải pháp cũ

2. Hiệu quả:

- Hoàn toàn mới và đã triển khai áp dụng trong toàn ngành có hiệu quả cao

- Có cải tiến hoặc đổi mới từ những giải pháp đã có và triển khai áp dụng trong toàn ngành có hiệu quả cao

- Hoàn toàn mới và đã triển khai áp dụng tại đơn vị có hiệu quả cao

- Có cải tiến hoặc đổi mới từ những giải pháp đã có và triển khai áp dụng tại đơn vị có hiệu quả cao

3. Khả năng áp dụng:

- Cung cấp được các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách
Tốt Khá Đạt

- Đưa ra các giải pháp khuyến nghị có khả năng ứng dụng thực tiễn, dễ thực hiện và dễ đi vào cuộc sống

Tốt Khá Đạt

- Đã được áp dụng trong thực tế đạt hiệu quả hoặc có khả năng áp dụng đạt hiệu quả trong phạm vi rộng

Tốt Khá Đạt

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)